

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**VŨ THỊ LAN PHƯƠNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC**  
**QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI**  
**DNTN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

**Chuyên ngành : Kinh tế phát triển**  
**Mã số : 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng, Năm 2015**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Ninh Thị Thu Thủy**

**Phản biện 1: TS. Lê Bảo**

**Phản biện 2: TS. Đỗ Thị Nga**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp  
thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 07 tháng 02  
năm 2015

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là khoản thu chủ yếu của NSNN và là công cụ quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Ở nước ta, thuế gián thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN, đặc biệt là thuế giá trị gia tăng. Quản lý thu thuế là một trong những chức năng quan trọng trong công tác quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên công tác quản lý thu thuế GTGT vẫn còn gặp một số khó khăn hạn chế do nhiều người chưa hiểu rõ về thuế giá trị gia tăng, ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế cũng như ý thức trong việc góp phần tham gia chống thất thu thuế chưa cao.

Khu vực kinh tế tư nhân nói chung và doanh nghiệp tư nhân nói riêng ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Do vậy, công tác quản lý thu thuế GTGT sao cho hiệu quả là vô cùng quan trọng, không những đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước mà còn mang lại nhiều lợi ích xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân và trong thời gian thực tập tại Cục thuế Đắk Lắk và kết hợp những kiến thức đã học ở trường, tác giả chọn đề tài : **“Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”** làm luận văn Thạc sỹ.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Khái quát một số cơ sở lý luận về thuế giá trị gia tăng và công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam;

- Phân tích và đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với DNTN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2009-2013;

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với DNTN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện những mục tiêu, việc nghiên cứu đề tài dựa trên phương pháp nghiên cứu thống kê, phân tích, so sánh ..., từ những số liệu tập hợp được từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với DNTN cho phù hợp, nhằm hạn chế thất thu cho ngân sách Nhà nước, đảm bảo tính công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp.

Cách tiếp cận: Thu thập số liệu từ cơ sở dữ liệu tại Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk, Chi cục Thống kê thành phố, tạp chí thuế Nhà nước, các báo cáo về tình hình kinh tế xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Bên cạnh đó thu thập từ ý kiến của các lãnh đạo chuyên môn của ngành đã có nhiều kinh nghiệm và ý kiến phản hồi của các DN qua các cuộc đối thoại do Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk tổ chức.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm có 03 chương

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT

#### 1.1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

##### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế giá trị gia tăng

###### *a. Khái niệm thuế giá trị gia tăng*

Theo quy định của Luật thuế GTGT thì thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào NSNN theo mức độ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.

###### *b. Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng*

###### *c. Vai trò của thuế giá trị gia tăng*

- Vai trò của thuế GTGT trong lưu thông hàng hóa
- Vai trò của thuế GTGT trong quản lý Nhà nước về kinh tế

##### 1.1.2. Nội dung cơ bản của luật thuế giá trị gia tăng

###### *a. Xác định phạm vi áp dụng*

🚦 *Đối tượng chịu thuế GTGT* : là các loại hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, thuế theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

🚦 *Đối tượng nộp thuế GTGT* : là các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu hàng hoá chịu thuế.

###### *b. Căn cứ tính thuế*

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

###### *c. Phương pháp tính thuế GTGT*

###### 🚦 *Phương pháp khấu trừ thuế*

Số thuế GTGT tăng phải nộp bằng (=) thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

Thuế GTGT đầu ra bằng (=) giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ đó.

#### Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

Số thuế GTGT phải nộp bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế nhân (x) với thuế suất thuế GTGT của loại hàng hoá, dịch vụ đó.

### **1.1.3. Khái niệm quản lý thu thuế**

Quản lý thu thuế là một quá trình tổ chức thực thi chính sách thuế, thông qua quá trình tác động của các cơ quan thuế lên các tổ chức và công dân nhằm đảm bảo và tăng cường sự tuân thủ nghĩa vụ thuế một cách đầy đủ, tự nguyện và đúng thời gian trong điều kiện môi trường quản lý thu thuế luôn biến động. Quá trình tác động của cơ quan thuế lên đối tượng nộp thuế là quá trình thực thi các chức năng của quản lý thu thuế.

### **1.1.4. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý thu thuế**

#### **a. Mục tiêu**

#### **b. Nguyên tắc**

- Nộp thuế theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thu thuế.

- Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

- Phải đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ.

### **1.1.5. Vai trò của quản lý thu thuế giá trị gia tăng**

- Quản lý thuế GTGT để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.

- Quản lý thuế GTGT sẽ góp phần quan trọng trong việc động viên nguồn thu thường xuyên, ổn định cho NSNN.

- Quản lý thuế GTGT có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những thông tin về việc chấp hành luật thuế GTGT và những thông tin về mức độ phù hợp, tính khả thi của luật thuế GTGT

- Tạo điều kiện hình thành thói quen tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động kinh tế - xã hội.

- Góp phần tạo ra môi trường kinh doanh ổn định, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong các hoạt động kinh tế.

### **1.1.6. Đặc điểm của DNTN ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế GTGT**

- Đặc điểm về sở hữu
- Đặc điểm về trình độ văn hóa, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ
- Đặc điểm về ý thức tuân thủ pháp luật
- Đặc điểm về số lượng đối tượng

## **1.2. NỘI DUNG QUẢN LÝ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

### **1.2.1. Lập dự toán thu thuế**

Lập kế hoạch thu thuế GTGT được thực hiện qua bốn giai đoạn: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, lãnh đạo thực hiện kế hoạch và đánh giá kiểm tra tình hình thực hiện. Để nâng cao chất lượng công tác lập dự toán thu, cơ quan thuế phải quan tâm làm tốt công tác kế toán, thống kê thuế và phân tích dự đoán nguồn thu, kế toán thuế là một bộ phận của hoạt động kế toán gắn với nội dung công việc của ngành thuế.

### **1.2.2. Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế**

Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế là một nội dung quan trọng, là khâu đột phá của toàn bộ lộ trình cải cách và hiện đại hóa

ngành thuế trong giai đoạn hiện nay. Các thủ tục hành chính được đơn giản hóa, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực thi pháp luật thuế. Do vậy, công tác tuyên truyền, hỗ trợ đã nhận được sự đánh giá cao, đồng tình, ủng hộ, sẵn sàng phối hợp của người nộp thuế và cơ quan ban ngành, đoàn thể.

### **1.2.3. Quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế và hoàn thuế**

#### **🚦 Đăng ký thuế và cấp mã số thuế**

Hàng năm, trên cơ sở khai đăng ký kinh doanh của DN, cơ quan thuế tiến hành cấp mã số thuế cho các DN. Việc quản lý DN được thực hiện trên mạng vi tính thống nhất trên cả nước. Mỗi DN được gán một mã số duy nhất. Tất cả các thông tin về DN như ngành nghề kinh doanh, tính chất và quy mô kinh doanh, địa chỉ, trụ sở ... được lưu vào máy vi tính với file dữ liệu riêng biệt. Khi cần kiểm tra một DN nào đó thì CQT chỉ cần mở file theo mã số thuế của DN.

#### **🚦 Xử lý tờ khai và chứng từ nộp thuế**

Hiện nay, ở nước ta việc tính thuế và kê khai thuế do các DN tự giác thực hiện, có sự kiểm tra, thanh tra của CQT. Trên cơ sở các quy định cụ thể của luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, DN tự tính doanh thu, thu nhập chịu thuế, từ đó lập tờ khai thuế phải nộp. Cơ quan thuế quy định cụ thể các chỉ tiêu trong nội dung của tờ khai tương ứng với từng loại thuế. Đối với mỗi sắc thuế cũng quy định cụ thể kỳ tính thuế, thời hạn lập tờ khai. Đến thời hạn quy định, DN phải nộp tờ khai cho CQT theo đúng quy định tại Luật Quản lý thuế.

#### **🚦 Xử lý hoàn thuế**

Việc hoàn thuế được thực hiện với thuế GTGT, DN lập hồ sơ hoàn thuế theo mẫu quy định gửi kèm công văn đến CQT. Tùy theo đối tượng mà CQT thực hiện hoàn thuế ngay cho DN hoặc kiểm tra hồ sơ hoàn thuế trước khi hoàn thuế cho DN.



#### **1.2.4. Quản lý thông tin người nộp thuế**

Quản lý thông tin NNT là việc cập nhập và lưu giữ các thông tin của NNT vào hệ thống cơ sở dữ liệu của Ngành thông qua việc ứng dụng các phần mềm tin học để phục vụ cho công tác QLT.

#### **1.2.5. Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế**

Mục tiêu của công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là kịp thời phát hiện và xử lý các đối tượng nộp thuế cố ý chây ì, nợ thuế, chiếm đoạt tiền thuế và các khoản tiền phạt liên quan đến thuế để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách Nhà nước phù hợp với pháp luật thuế.

#### **1.2.6. Thanh tra, kiểm tra thuế**

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong bốn chức năng cơ bản của quản lý thuế theo mô hình chức năng. Thanh tra, kiểm tra thuế được tiến hành theo một trình tự nhất định. Qua việc giám sát, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế phát hiện những sai sót yêu cầu NNT giải trình, bổ sung để chứng minh tính chính xác, trung thực, hợp lý của các chỉ tiêu đã kê khai trong hồ sơ khai thuế. Trường hợp NNT không chứng minh được tính chính xác, trung thực hợp lý của việc kê khai thuế thì cơ quan Thuế tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện NNT có dấu hiệu trốn thuế, gian lận về thuế thì tiến hành thanh tra thuế.

#### **1.2.7. Quản lý việc xử lý vi phạm về thuế**

Theo Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNTN**

#### **1.3.1. Cơ chế chính sách của Nhà nước**

- Pháp luật thuế
- Mối liên hệ của các ban ngành có liên quan

### **1.3.2. Nhân tố thuộc về cơ quan thuế**

- Tổ chức bộ máy quản lý
- Điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất kỹ thuật
- Nhân lực
- Công tác kiểm tra, thanh tra

### **1.3.3. Nhân tố thuộc về Doanh nghiệp tư nhân**

- Qui mô, mạng lưới
- Ý thức tuân thủ pháp luật...

## **1.4. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT**

### **1.4.1. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước**

### **1.4.2. Những bài học kinh nghiệm về quản lý thu thuế GTGT đối với DNTN**

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý tạo điều kiện quản lý thu thuế GTGT đạt hiệu quả.

2. Cơ quan thuế cần chủ động tạo dựng các mối quan hệ và tranh thủ sự hỗ trợ của các ngành, địa phương khi triển khai công tác thuế tại địa bàn.

3. Cần làm tốt công tác tuyên truyền và hướng dẫn chế độ thuế GTGT để mọi đối tượng, mọi người đều hiểu và thực hiện đúng.

4. Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý thuế GTGT cho cán bộ thuế phải được quan tâm và chuẩn bị trước.

5. Phải từng bước hiện đại hoá trang thiết bị công cụ QLT.

6. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và chống nợ đọng thuế góp phần tăng thu Ngân sách nhà nước.

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT**  
**ĐỐI VỚI DNTN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**  
**2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KT-XH TỈNH ĐẮK LẮK**

**2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

**2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

**2.1.3. Tình hình phát triển của các DNTN trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc**

Các DNTN trong thời gian qua cũng đã có những bước chuyển biến tích cực, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắc Lắc. Hàng năm số lượng DNTN đều tăng.

**Bảng 2.3: Số lượng DNTN giai đoạn năm 2009 - 2013**

Năm	Tổng số DN	Số lượng DNTN	Tỷ trọng
2009	2078	752	36,19%
2010	2369	771	32,54%
2011	2560	864	33,75%
2012	2861	922	32,22%
2013	3154	1128	36,19%

*(Nguồn : Niên giám thống kê)*

**2.1.3. Cơ quan quản lý thuế tỉnh Đắc Lắc**

**a. Cơ cấu tổ chức bộ máy**

Bộ máy tổ chức quản lý của Cục Thuế tỉnh Đắc Lắc được thiết lập và phối hợp hoạt động theo mô hình trực tuyến chức năng.

**b. Tình hình thu thuế trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc**

Cục thuế tỉnh Đắc Lắc đã triển khai thực hiện tốt Luật quản lý thuế và các quy trình, thủ tục của Tổng Cục thuế ban hành. Do đó, số thu từ thuế của tỉnh Đắc Lắc luôn chiếm trên 93% thu NSNN và

không ngừng tăng qua các năm, trong đó thu từ thuế GTGT chiếm hơn 52% tổng thu từ thuế.

**Bảng 2.4 : Kết quả thu Ngân sách trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Đvt : triệu đồng*

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng thu nội địa	2.333.826	2.851.620	3.173.540	3.552.329	3.160.654
Tổng thu thuế và phí	1.915.467	2.317.508	2.863.787	3.905.020	2.827.154
-Thuế GTGT	1.211.669	1.309.632	1.807.988	1.808.023	1.513.137
-Thuế TNDN	110.642	289.136	221.315	261.058	336.833
-Thuế TTDB	173.102	222.878	135.286	215.290	249.371
-Thuế TNCN	61.420	96.290	148.837	166.305	172.853
-Thuế Môn bài	19.229	21.226	23.406	24.260	25.470
-Thuế TN	36.883	57.955	93.731	92.921	80.069
-Phí + thuế khác	302.522	320.391	433.224	1.337.163	449.421

*(Nguồn : Phòng Tổng hợp NVDT – Cục thuế tỉnh Đắk Lắk)*

**c. Kết quả thu thuế GTGT trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Công tác quản lý thuế GTGT ở Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đã có tất nhiều tiến bộ, số thu thuế GTGT đã hoàn thành vượt mức kế hoạch, ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu NSNN.

## 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNTN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

### 2.2.1. Công tác lập dự toán thu thuế

**Bảng 2.6: Kết quả thu thuế GTGT đối với DNTN**

*Đvt : triệu đồng*

Năm	Dự toán	Thực hiện	Tốc độ tăng (%)	So với dự toán (%)	So với tổng thu (%)
2009	399.133	424.084			106,3
2010	468.086	528.371	124,6	112,8	22,8
2011	523.250	632.795	119,8	120,9	22,1
2012	726.627	692.808	109,5	95,3	17,7
2013	809.676	729.598	105,3	90,1	25,8

*(Nguồn : Phòng Tổng hợp NVDT – Cục thuế tỉnh Đắk Lắk)*

Giai đoạn 2009 – 2011 cục thuế tỉnh Đắk Lắk liên tục hoàn thành dự toán thu từ các DNTN với mức tăng trưởng số thu khá cao. Tuy nhiên, đến năm 2012 và 2013 thì việc thực hiện thu thuế GTGT đối với DNTN không đạt so với dự toán. Nguyên nhân do ảnh hưởng của nhiều nhân tố tác động đến kết quả thu thuế như : có sự thay đổi về chính sách thuế GTGT, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng về cơ bản vẫn là sự bất cập từ công tác giao dự toán, sự yếu kém từ quản lý từ các nguồn thu, nhất là quản lý DNTN.

### 2.2.2. Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

Để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả cao, Cục Thuế đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, thực hiện tốt Quy chế phối hợp với các Ngành chức năng và các cơ quan như: Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Đắk Lắk, Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế. Triển khai kịp thời các lớp tập huấn. Ngoài ra cũng đẩy mạnh công tác Đối

thoại với DN theo định kỳ và theo yêu cầu thực tế. Triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phong phú, đa dạng, tăng cường chất lượng công tác hỗ trợ NNT thông qua các hình thức hỗ trợ, hướng dẫn như: trả lời NNT bằng văn bản, qua điện thoại, hỗ trợ trực tiếp của CQT...

### **2.2.3. Quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế và hoàn thuế**

#### **a. Đăng ký thuế**

Để phục vụ cho việc triển khai hai luật thuế mới GTGT và TNDN có hiệu lực từ 01/01/2009, Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đã triển khai công tác đăng ký và cấp mã số thuế cho NNT trên địa bàn toàn tỉnh. Số lượng DNTN trên địa bàn tỉnh tăng nhanh cả về số lượng cũng như quy mô từ năm 2009 đến năm 2013 nên số lượng đăng ký thuế cũng tăng trong giai đoạn này.

#### **b. Xử lý tờ khai và kê toán thuế**

- Xử lý tờ khai :

**Bảng 2.9: Tình hình nộp hồ sơ khai thuế GTGT**

Năm	Số hồ sơ thuế đã nộp	Số hồ sơ thuế nộp đúng hạn	Số hồ sơ khai thuế nộp quá thời hạn
2009	5.315	5.043	272
2010	5.893	5.665	228
2011	6.749	6.624	125
2012	6.808	6.512	296
2013	7.215	6.972	243

(Nguồn : Phòng Kê khai và kê toán thuế – Cục thuế tỉnh Đắk Lắk)

Theo số liệu bảng 2.9 về tình hình nộp hồ sơ khai thuế qua các năm cho thấy, số hồ sơ đã nộp đúng thời hạn quy định ngày một tăng, chất lượng tờ khai tương đối tốt, ít sai sót về mặt số học.

- Kê toán thuế : Hệ thống kê toán thuế bao gồm hệ thống các sổ kê toán như sổ theo dõi thu nộp, theo dõi nợ, theo dõi hoàn thuế...

do phòng Tin học và Xử lý dữ liệu thực hiện hạch toán, xử lý, cung cấp thông tin về tình hình thu, ĐTNT, nhất là thông tin về chấp hành pháp luật thuế GTGT phát sinh hàng tháng, tiến độ thu nợ, các thông tin về đăng ký thuế, kê khai thuế, hoàn thuế, ngừng hoạt động, xử lý vi phạm...

Để kiểm soát nguồn thu thuế GTGT, hệ thống kế toán thuế sử dụng hệ thống mục lục ngân sách, với phương pháp ghi đơn hạch toán số thuế đã thu theo từng bộ, ngành hoặc theo khối trung ương, địa phương,... tương ứng với chương, loại, khoản, hạng, mục theo quy định của Luật ngân sách. Số thu về thuế GTGT được hạch toán riêng và tách bạch theo từng ĐTNT nhằm theo dõi công nợ về thuế chính xác, liên tục.

### *c. Xử lý hoàn thuế*

**Bảng 2.10: Kết quả kiểm soát hoàn thuế GTGT từ 2009 - 2013**

*DVT: Triệu đồng*

Năm	Số ĐTNT đề nghị hoàn		Không hoàn	Đã hoàn	Thu hồi hoàn
	Số hồ sơ	Số tiền			
2009	122	113.390	6.531	106.859	566
2010	141	128.075	13.636	114.439	42
2011	113	139.584	13.837	125.747	566
2012	152	191.614	18.612	173.002	562
2013	174	206.643	17.953	188.690	141

*(Nguồn : Số liệu theo Báo cáo hoàn thuế của Cục thuế Đắk Lắk)*

Nhờ thực tốt quy trình hoàn thuế, công tác hoàn thuế đã được triển khai nhanh hơn, hiệu quả hơn, góp phần giảm bớt khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp, nhưng cũng đã đảm bảo chặt chẽ và đúng quy trình, hạn chế được tình trạng gian lận chiếm dụng tiền thuế của

Nhà nước. Nhìn chung, các doanh nghiệp thực hiện tương đối tốt trong việc kê khai xin hoàn thuế GTGT, tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp lợi dụng kẽ hở của pháp luật để gian lận trong kê khai hoàn thuế. Cục đã tiến hành kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, phát hiện và truy thu hàng trăm triệu đồng tiền thuế GTGT.

#### **2.2.4. Quản lý thông tin người nộp thuế**

Cục thuế tỉnh Đắk Lắk sử dụng các chương trình ứng dụng trên máy tính trong nội bộ ngành thuế để quản lý thông tin như : Ứng dụng Đăng ký và cấp mã số thuế; Hệ thống ứng dụng Quản lý thuế; Ứng dụng quản lý ấn chỉ thuế; Ứng dụng quản lý hồ sơ; Ứng dụng tập trung cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin người nộp thuế; Ứng dụng lập kế hoạch thanh tra.

#### **2.2.5. Quản lý nợ và cưỡng chế thuế**

- Quản lý nợ thuế : Công tác quản lý thu nợ trong những năm qua của Cục thuế đã được nâng cao; đã phân tích, phân loại chi tiết được từng khoản nợ, song tình trạng nợ đọng thuế vẫn chưa được khắc phục triệt để, số thuế GTGT nợ đọng vẫn còn nhiều. Nguyên nhân là do Cục thuế chưa tổ chức đánh giá tốt việc thực hiện các biện pháp thu, chống thất thu và đánh giá rủi ro khi lập và thực hiện kế hoạch, việc phân kỳ thu nợ cũng chưa có quy trình cụ thể. Mặt khác do tình hình kinh tế trong nước cũng như trên địa bàn hết sức khó khăn cho nên nợ thuế năm sau vẫn còn cao hơn năm trước và ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của NNT còn thấp.



**Bảng 2.11 : Tình hình nợ thuế GTGT của các DNTN***Đvt : triệu đồng*

Năm	Tổng số tiền nợ	Nợ khó thu		Nợ chờ xử lý		Nợ có khả năng thu	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
2009	36.581	12.893	35,25	275	0,75	23.413	64,00
2010	42.186	9.109	21,59	452	1,07	32.625	77,34
2011	54.192	11.731	21,65	523	0,97	41.938	77,39
2012	69.854	12.664	18,13	901	1,29	56.289	80,58
2013	75.186	10.357	13,78	835	1,11	63.994	85,11

*(Nguồn : Phòng QL nợ và Cường chế nợ thuế )*

- Cường chế nợ thuế : Công tác cường chế nợ thuế thực hiện còn rất hạn chế, chủ yếu là thực hiện biện pháp trích tiền từ tài khoản ngân hàng của NNT, các biện pháp còn lại ít được sử dụng, số lượt thực hiện biện pháp này quá ít so với tổng số lượt doanh nghiệp nợ thuế trên 90 ngày. Điều này cho thấy biện pháp thực hiện cường chế nợ tại Cục Thuế Đắk Lắk vẫn chưa được thực hiện tốt dẫn đến nợ đọng tiền thuế qua các năm càng ngày càng tăng.

## **2.2.6. Công tác Thanh tra, kiểm tra thuế**

### **a. Công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch**

*- Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế*

Công tác phân tích, đánh giá rủi ro tại cơ quan thuế cơ bản đã được nâng lên, đã xác định tính tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế. Tuy nhiên, về số lượng hồ sơ khai thuế đã được kiểm tra phân tích không đạt yêu cầu theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Điều này cho thấy công tác kiểm tra HSKT chưa được chú trọng, tỷ lệ kiểm tra chưa đạt 100% so với số hồ sơ kê khai thực tế, về số thuế điều chỉnh tăng so với số lượng kiểm tra còn quá hạn chế, đồng thời số hồ sơ qua kiểm tra phát hiện phải điều chỉnh còn rất thấp so với số thực tế kiểm tra.

**Bảng 2.13: Hồ sơ kiểm tra tại cơ quan thuế qua các năm**

Năm	Số hồ sơ kê khai	Số hồ sơ kiểm tra	Hồ sơ điều chỉnh	Số thuế ĐC tăng (đồng)	Số thuế ĐC giảm (đồng)
2009	5.315	1.247	182	487.500.000	0
2010	5.893	3.853	165	216.900.000	0
2011	6.749	3.267	76	157.000.000	0
2012	6.808	4.366	48	225.600.000	0
2013	7.215	6.925	25	98.370.000	0

(Nguồn : Phòng Kiểm tra – Cục thuế tỉnh Đắk Lắk)

- Kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế

Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở NNT tuy đạt kết quả khá qua các năm và góp phần cho công tác chống thất thu ngân sách, vừa giúp các DN kịp thời chấn chỉnh những sai sót, hầu hết các cuộc kiểm tra đều có số thuế truy thu và xử phạt vi phạm hành chính về thuế và có trường hợp vi phạm về chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ. Công tác kiểm tra còn hạn chế về số lượng kiểm tra do lực lượng kiểm tra thuế chưa tương xứng với khối lượng công việc, trình độ năng lực của cán bộ làm công tác kiểm tra chưa đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ đặt ra.

#### **b. Công tác thanh tra, kiểm tra bất thường**

Được thực hiện khi giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế, các trường hợp phải kiểm

tra trước hoàn theo quy trình quản lý thuế, các trường hợp DNTN chuyển đổi loại hình DN.

***c. Một số hành vi vi phạm nhằm trốn thuế GTGT và chiếm đoạt tiền hoàn thuế GTGT được tổng kết thông qua công tác thanh tra thuế***

(1) Lập hóa đơn không giống nhau giữa các liên khi mua bán hàng hóa; (2) In và sử dụng hóa đơn giả; (3) Lập hóa đơn khống, lập hóa đơn thấp hơn giá thực bán ra của hàng hóa, dịch vụ; (4) Không lập hóa đơn khi bán hàng; hạch toán thiếu doanh thu hoặc bỏ ngoài sổ sách kế toán một phần hàng mua vào, bán ra; (5) Tính toán phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ sai; hoặc kê khai khấu trừ trùng nhiều lần với một hóa đơn; hoặc xác định sai thuế suất.

**2.2.7. Xử lý vi phạm về thuế**

Việc xử lý vi phạm pháp luật thuế tại Cục thuế tỉnh Đắk Lắk không được các bộ phận thực hiện nghiêm túc, nhiều trường hợp phát hiện nhưng không xử lý, hoặc xử lý không nghiêm minh, có trường hợp cố tình làm nơ sai phạm của ĐTNT của cán bộ thuế.

**2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNTN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

**2.3.1. Một số thành tựu đã đạt được**

- Cục thuế đã quản lý sát sao, hiệu quả các DNTN có hoạt động sản xuất, kinh doanh. Cục đã hoàn thành vượt mức dự toán thu thuế GTGT, hạn chế tình trạng thất thu thuế và giảm tình trạng nợ đọng thuế GTGT.

- Trong tổ chức công tác quản lý thu thuế GTGT đối với DNTN đã triển khai và thực hiện tốt các văn bản, quy trình quản lý, thực hiện các quy chế phối hợp giữa các ngành.

- Công tác thu, nộp, xử lý tờ khai đã được thực hiện nghiêm túc, chất lượng được nâng cao.

- Thực hiện công tác theo dõi nợ và phân loại nợ thuế, đánh giá được khả năng của từng đối tượng nợ.

- Thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế và cộng đồng xã hội dưới nhiều hình thức.

- Công tác kiểm tra, thanh tra đã được tăng cường, đã phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

### **2.3.2. Những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý thu thuế**

- Chính sách thuế vẫn còn một số mặt tồn tại chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, chồng chéo.

- Công tác xử lý tờ khai và kế toán thuế : Hồ sơ khai thuế trễ hạn còn tồn tại nhiều, xử lý vi phạm về kê khai trễ hạn còn hạn chế.

- Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế có những bước tiến bộ nhưng số thuế nợ vẫn còn ở mức cao so với chỉ tiêu giao.

- Công tác kiểm tra tại cơ quan thuế, tại trụ sở người nộp thuế chưa đạt so với số lượng kê khai thực tế.

- Công tác kiểm tra thuế GTGT chưa có giải pháp cụ thể trong việc phát hiện ra các hành vi vi phạm.

### **2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế**

#### **🚧 Về cơ chế, chính sách**

(1) Luật thuế GTGT hiện nay chưa bao quát hết đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế. (2) Hệ thống chính sách thuế vẫn còn lồng ghép nhiều chính sách xã hội, có nhiều mức miễn giảm thuế làm hạn chế tính trung lập, không đảm bảo công bằng giữa các đối tượng nộp thuế, dễ phát sinh tiêu cực làm phức tạp công tác quản lý thuế.(3) Có quá nhiều đối tượng không thuộc diện chịu thuế . Về

thuế suất, vẫn còn 3 mức thuế suất gây phức tạp trong công tác quản lý thuế.

#### Về phía Cục thuế

(1) Quy trình quản lý thuế chưa hiệu quả.(2) Công tác quản lý thu nợ chưa thực hiện hết chức năng nhiệm vụ, công tác đôn đốc thu nợ chưa thực hiện đầy đủ theo quy trình .(3) Công tác thanh tra, kiểm tra thuế Lựa chọn ĐTNT để lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra chủ yếu theo cảm tính, còn đặt nặng tiêu chí về thời hiệu truy, chưa thực hiện được phân tích, đánh giá rủi ro. (4) Cơ quan thuế chưa phát hiện và xử lý triệt để các trường hợp vi phạm. (5) Trình độ tin học chưa cao, việc áp dụng công tác quản lý thuế trên máy tính chưa đồng bộ.(6) Năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thuế còn hạn chế (7) Công tác phối hợp với các cơ quan ban ngành không được thường xuyên liên tục, sự phối kết hợp giữa các bộ phận chức năng trong đơn vị chưa chặt chẽ và đồng bộ.

#### Về phía DNTN

Đa số các DNTN chưa có ý thức chấp hành tốt Luật thuế, nhận thức việc đóng thuế có nhiều sai lệch nên cố tình vi phạm, khai man, trốn thuế với nhiều hình thức. Đội ngũ kế toán tại các DNTN chưa được đào tạo tốt, việc hạch toán, kế toán vẫn còn chưa đúng quy định, sản xuất, kinh doanh còn mang tính gia đình.

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNTN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

### 3.1. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNTN

#### 3.1.1. Định hướng

##### *a. Định hướng chung*

Đối với thuế giá trị gia tăng (GTGT): Sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT; giảm bớt nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 5%; nghiên cứu đến năm 2020 áp dụng cơ bản một mức thuế suất (không kể mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu); hoàn thiện phương pháp tính thuế, tiến tới cơ bản thực hiện phương pháp khấu trừ thuế; quy định về ngưỡng doanh thu để áp dụng hình thức kê khai thuế GTGT phù hợp.

##### *b. Định hướng cụ thể*

- Đảm bảo chính sách thuế đơn giản, minh bạch, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính.

- Tăng cường các biện pháp để khai thác nguồn thu nhằm bù đắp các khoản hụt thu do thực hiện các chính sách thuế mới, trong đó thuế GTGT là nguồn thu quan trọng nhất.

- Tăng cường công tác quản lý thuế nhằm tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời số thu cho NSNN, bao quát hết nguồn thu.

- Xây dựng, củng cố và hoàn thiện bộ máy ngành thuế từ văn phòng Cục đến các Chi cục và các đội thuế.

- Nâng cao năng lực bộ máy quản lý thuế và hoàn thiện quy trình, thủ tục hành chính thuế .

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT.

### **3.1.2. Mục tiêu**

- Toàn ngành tập trung, phân đầu quyết liệt để hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT . Tiếp tục thực hiện tốt Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế.

- Giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% trên tổng thu NSNN.

- Tăng cường quản lý tốt các DNTN, đảm bảo 100% DN được cấp Giấy CNĐKKD, cấp mã số thuế phải được phân cấp và đưa vào quản lý thu thuế.

- Đảm bảo 100% cán bộ công chức thuế đảm đương được nhiệm vụ quản lý thu thuế đối với DN.

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNTN**

### **3.2.1. Hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế**

(1) Công tác lập dự toán thu ngân sách cần có định hướng trong vấn đề tạo nguồn thu.(2) Việc lập dự toán thu ngân sách Nhà nước không chỉ dừng lại ở việc khai thác nguồn thu hiện có mà phải bằng chính sách, nuôi dưỡng. (3) Làm tốt hơn nữa công tác xây dựng và phân bổ dự toán, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện dự toán thu NSNN đã được giao.

### **3.2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT**

- Xây dựng, triển khai đa dạng các phương pháp tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế.

- Tổ chức đối thoại thường xuyên với NNT theo quy chế đã ban hành và cần nhân rộng mô hình tổ chức các "tuần lễ lắng nghe ý kiến NNT".

- Nâng cao chất lượng hướng dẫn, hỗ trợ tại CQT.

- Tuyên dương đối với các DN có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thuế, kỹ năng giao tiếp, lý luận cho cán bộ, công chức làm công tác tuyên truyền.

### **3.2.3. Công tác quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế và hoàn thuế**

- Quản lý đăng ký : Xác định rõ số DN đang hoạt động kê khai, nộp thuế và số DN hoạt động không kê khai cũng như số DN không hoạt động mà không thông báo với CQT.

- Công tác xử lý tờ khai và kế toán thuế :

+ Tiếp tục nghiên cứu xây dựng phần mềm hỗ trợ đối với việc kê khai thuế qua mạng, đơn giản dễ thực hiện để toàn bộ đối tượng nộp thuế theo kê khai áp dụng 100% khai thuế qua mạng.

+ Xây dựng hệ thống tiêu thức phân tích, đánh giá rủi ro hồ sơ khai thuế.

+ Xây dựng phần mềm kế toán thuế để theo dõi hạch toán toàn bộ các khoản phát sinh liên quan đến nghĩa vụ thuế.

- Quản lý khâu hoàn thuế GTGT : (1) Thực hiện tốt công tác giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT, kiểm tra trước khi quyết định hoàn thuế, đảm bảo số liệu chính xác, khớp đúng và được thẩm định chặt chẽ. Chú trọng việc kiểm soát phân loại DN có rủi ro cao về thuế và chuyển bộ phận chức năng để kiểm tra trước khi hoàn thuế.

(2) Có chế độ khen thưởng thoả đáng cho những người phát hiện, tố giác các trường hợp vi phạm hoàn thuế và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đó.

### **3.2.4. Quản lý thông tin người nộp thuế**

Nâng cấp kịp thời các ứng dụng để phù hợp với sự thay đổi của các quy định về thuế. Đồng thời tổ chức xây dựng hệ thống cơ sở



dữ liệu và hệ thống ứng dụng để phục vụ việc thu thập, xử lý thông tin NNT.

### **3.2.5. Hiện đại hóa công tác quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế**

(1) Tăng cường công tác đôn đốc thu nợ, xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về người nộp thuế.(2) Thực hiện đầy đủ chức năng của hệ thống quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế, bố trí công chức quản lý nợ theo hướng tập trung nguồn lực cho những địa bàn có số thu lớn. (3) Thường xuyên chuyển tải thông tin đối tượng nợ thuế chậm ì từ 90 ngày trở lên lên phương tiện thông tin đại chúng và có những biện pháp cưỡng chế mạnh hơn.

### **3.2.6. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế**

(1) Hoàn thiện quy trình thanh tra, kiểm tra thuế GTGT. (2) Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. (3) Ứng dụng công nghệ tin học vào công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, đầy đủ thống nhất về NNT (4) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

### **3.2.7. Giải pháp khác**

(1) Tăng cường cải cách quy trình quản lý thuế GTGT, hoàn thiện cơ chế, chính sách. (2) Tăng cường phối hợp với các ngành chức năng. (3) Kiện toàn bộ máy tổ chức và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. KẾT LUẬN**

Với kết quả nghiên cứu đề tài *“Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế GTGT đối với DNTN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”*. Luận văn đã thực hiện được các mục tiêu sau: (1) Hệ thống hóa một số lý luận cơ bản về thuế GTGT, quản lý thu thuế nói chung và quản lý thu thuế GTGT đối với DNTN nói riêng. (2) Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế GTGT đối với DNTN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (3) Trên cơ sở lý luận, phân tích đánh giá thực tế trong công tác quản lý thu thuế GTGT đối với DNTN, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn.

### **2. KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với Nhà nước**

Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế GTGT đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế. Giao quyền cho ngành thuế trong công tác điều tra liên quan với lĩnh vực thuế. Tăng nặng các hình thức xử phạt vi phạm pháp luật thuế GTGT.

#### **2. Đối với Tổng cục thuế**

Văn bản hướng dẫn chính sách thuế phải nhất quán, đồng bộ, rõ ràng và ổn định; Xây dựng các quy trình quản lý thu thuế theo chức năng không chồng chéo; Phát triển hệ thống mạng vi tính trong ngành thuế trên phạm vi toàn. Tổ chức tốt các biện pháp quản lý thu thuế. Sửa đổi hệ thống quy trình nghiệp vụ, cải tiến, sửa đổi hệ thống kế toán thuế theo hướng xây dựng hệ thống hạch toán kép.

#### **3. Đối với Chính quyền địa phương**

Các cơ quan hữu quan phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế hoàn thành nhiệm vụ huy động nguồn thu cho ngân sách.